

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DSST

Ngày 10-11-2021

V/V tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Cúc; bà Nguyễn Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03 và 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐST-DS ngày 18-10-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Lê Thị Minh C, sinh năm 1956, cư trú tại: Số 370, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Minh C: Chị Nguyễn Mặc Uyên T, sinh năm 1984, cư trú tại: Số 116/30, đường t, Phường 15, Quận 10, Thành phố h. (có mặt)

+ Bà Lê Thị Liên H, sinh năm 1956, cư trú tại: Số 84, hẻm 3, đường H, khu phố H, phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Liên H: Chị Đinh Hoàng Bảo T1, sinh năm 1985, cư trú tại: Số 21, đường N, khu phố 1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H: Luật sư Nguyễn Văn T2, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B, thuộc Đoàn Luật sư Tây Ninh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1945, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hoàng A cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Hoàng Liên P, sinh năm 1975, cư trú tại: Số 350/7/35, đường Chiến Lược, khu phố 2, phường B, quận B, Thành phố H. (có mặt)

+ Chị Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1992, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Thị Ngọc H1: Luật sư Nguyễn Thanh H của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Tây Ninh. (có mặt)

+ Chị Lê Hoàng Liên Th, sinh năm 1978, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

+ Chị Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

+ Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1983, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Lê Hoàng D:

Chị Nguyễn Kim H2, sinh năm 1983, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Nguyễn Vy S, sinh năm 2008, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người giám hộ cho cháu Lê Nguyễn Vy S: Chị Nguyễn Kim H2, sinh năm 1983, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, là mẹ ruột. (vắng mặt, có ủy quyền).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Kim H2: Chị Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1992, cư trú tại: Số 39, hẻm 29, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị C1, sinh năm 1935, cư trú tại: Số E51/5, thị trấn H, huyện H (nay là phường L, thị xã H), tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Lê Hữu P1, sinh năm 1950, cư trú tại: Stobbe 27, 1261 PM Blatiaun, Hà Lan. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu P1: Bà Lê Thị Minh C,

sinh năm 1956, cư trú tại: Số 370, đường L, khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 10-3-2020. (có mặt)

+ Ông Lê Thế M, sinh năm 1951, cư trú tại: Veduil 7, 3435 GN Nieuwgen, Hà Lan. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thế M: Bà Lê Thị Liên H, sinh năm 1956, cư trú tại: Số 84, hẻm 3, đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 10-3-2020. (có mặt)

+ Ông Lê Thanh T3, sinh năm 1948, cư trú tại: Số 67 rue Brule – Maison, 59000 Lille – France (Pháp). (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Trần Văn P3, sinh năm 1959, cư trú tại: 12, allée du Chat qui Pêche, 93320 Les Pavillons-sous-bói-France (Pháp). (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Lê Trung Nghĩa không rõ tung tích.

+ Bà Lê Thị Hồng H5, sinh năm 1963, cư trú tại: Số 121, đường C, Phường 4, Quận 8, Thành phố H. (vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng H5: Chị Nguyễn Hồng Yến N, sinh năm 1992, cư trú tại: Số 121, đường C, Phường 4, Quận 8, Thành phố H, theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 09-6-2020. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Lê Thị Xuân M, sinh năm 1966, cư trú tại: Số 22-07, chung cư S, phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố H. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05-3-2019, bổ sung ngày 18-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là chị Nguyễn Mạc Uyên T trình bày:

Cha của bà Lê Thị Minh C là cụ Lê Văn Trung, có 02 người vợ, 11 người con, cụ thể là:

- Cụ Trung chung sống với cụ Đinh Thị Cẩn có 04 người con chung, gồm:

+ Ông Lê Thanh Tòng (chết năm 1947), có vợ là Liêu Thị Thanh (chết cách nay khoảng 03 năm), có 01 người con tên Lê Thanh T3, sống ở Pháp.

+ Ông Lê Văn Tất (chết năm 2008), vợ đã chết, có 01 người con lấy họ mẹ tên Trần Văn P3, sống ở Pháp.

+ Ông Lê Trung Nghĩa không rõ địa chỉ, mất liên lạc từ trước năm 1975 đến nay.

+ Ông Lê Minh Trực (chết năm 1984), vợ là Nguyễn Thị Đẻ (chết), có 02 người con là Lê Thị Hồng H5 và Lê Thị Xuân M.

- Cụ Trung chung sống với cụ Nguyễn Thị Lúa có 06 người con chung, gồm:

+ Ông Lê Hoàng A (chết ngày 23-12-2019), có vợ là bà Hồ Ngọc Liên Hoa (đã chết), có 06 người con, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, anh Lê Hoàng Tâm (đã chết, không có vợ, con), chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1, anh Lê Hoàng D, anh Dũng đã chết vào năm 2020, có vợ là Nguyễn Kim H2, có con là Lê Nguyễn Vy San, chưa thành niên.

+ Ông Lê Văn Mười, chết năm 2003, không có vợ con.

+ Ông Lê Hữu P, sống ở Hà Lan.

+ Ông Lê Thế M sống ở Hà Lan.

+ Bà Lê Thị Minh C.

+ Bà Lê Thị Liên H.

+ Ngoài ra, cụ Lúa có 01 người con riêng là bà Lê Thị C1 nhưng cụ Trung là người khai sinh và đứng tên cha nên xem như con chung của cụ Trung và cụ Lúa.

Cụ Cẩn chết năm 1936, cụ Trung chết năm 1976, cụ Lúa chết năm 2001, không có di chúc.

Cụ Trung và cụ Lúa có tài sản chung, khi còn sống chưa phân chia cho các con, tài sản khi chết để lại là 3.246 m² đất, tọa lạc tại: Số 39, hẻm 29, đường Lạc Long Quân, khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng vào năm 1949, trên đất có ngôi nhà cấp 4 của cụ Lúa.

Do cụ Lúa không biết chữ, bị bệnh già, không còn minh mẫn, ông A sống chung với cụ Lúa nên tự ý đi kê khai, đăng ký đất thành 02 phần: Phần có ngôi nhà để cụ Lúa đứng tên, diện tích 2.112 m², thửa 168, tờ bản đồ 01, Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy: 01173/QSDĐ/D6 ngày 29-4-1994; phần không có nhà diện tích 1.134 m², thửa 217, tờ bản đồ 01, Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy: 00900/QSDĐ/D6 ngày 29-4-1994, ông A đứng tên.

Việc ông A đi kê khai đăng ký đất gia đình không ai biết, đến năm 2017 anh trai là Lê Thế M về nước, yêu cầu làm thủ tục cho các anh chị em ở Việt Nam đứng tên đất của cha mẹ thì phát hiện ra. Anh chị em thống nhất phần cụ Lúa đứng tên sang lại cho bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H, ông Lê Hoàng A cùng đứng tên thành Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy: CS05307 ngày 06-7-2018, phần ông A đứng tên chờ giải quyết với ông A nhưng ông A cứ hện và sau đó bị bệnh nặng, các con ông A không cho gặp nên vào tháng 3 năm 2019 bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Trong khi Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông A và các con ông A đã làm thủ tục sang tên cho 05 người con của ông A thành 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà C yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các con ông A đứng tên, chia thừa kế tài sản của cụ Trung và cụ Lúa theo pháp luật, chia cho bà C bằng hiện vật.

- Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Liên H và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hương và người đại diện theo ủy quyền là chị Đinh Hoàng

Bảo T trình bày: Nội dung khởi kiện hoàn toàn giống nội dung bà C khởi kiện, bà Hương cũng yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Bị đơn ông Lê Hoàng A và người đại diện theo ủy quyền của ông A là chị Lê Thị Ngọc H1 trình bày:

Thông nhất với các nguyên đơn về ngày chết của cụ Trung, cụ Lúa và thống nhất về người thừa kế của 02 cụ nhưng không thống nhất về di sản, ông A xác định như sau:

Phần đất thửa 168 có ngôi nhà, do cụ Lúa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, là di sản của cụ Trung và cụ Lúa, chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Riêng phần đất thửa 217 không có nhà, cụ Lúa đã tặng cho ông A từ khi ông A mới kết hôn, ông A sử dụng, kê khai đăng ký, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nộp thuế cho Nhà nước. Do cụ Lúa tặng cho nên khi đăng ký đất mỗi người đứng tên một phần, các anh chị em trong nhà đều biết và không ai phản đối, ông A sử dụng đất từ đó đến nay hơn 20 năm, không ai tranh chấp hay ngăn cản, là tài sản riêng của ông A, không phải là di sản của cụ Trung, cụ Lúa nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông A chết trong quá trình tham gia tố tụng, việc ủy quyền cho chị H1 đương nhiên chấm dứt, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày như sau:

+ Chị Lê Hoàng Liên P trình bày:

Chị là con cả của ông Lê Hoàng A, mẹ chị là bà Hồ Ngọc Liên Hoa đã chết vào năm 2002, cha mẹ chị có 06 người con, gồm: Lê Hoàng Liên P, Lê Hoàng Tâm (đã chết không vợ con), Lê Hoàng Liên Th, Lê Thị Ngọc Đ, Lê Thị Ngọc H1, Lê Hoàng D. Anh Dũng đã chết vào năm 2020, có vợ là Nguyễn Kim H2 và 01 người con là cháu Nguyễn Vy S, sinh năm 2008.

Chị giữ nguyên yêu cầu của ông A, chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật phần đất có nhà. Riêng phần đất không có nhà thì cụ Lúa đã tặng cho, ông A đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994, trước khi chết ông A đã chia cho 05 người con, trong đó có chị, đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là di sản của cụ Trung, cụ Lúa nên không chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

+Chị Lê Thị Ngọc H1 trình bày:

Chị là con của ông Lê Hoàng A, chị thống nhất với nguyên đơn về người thừa kế của cụ Trung và cụ Lúa. Về tài sản thì chỉ có phần đất có nhà thờ là di sản, riêng phần đất ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng là của ông A từ xưa đến nay, khi còn nhỏ chị đã biết nhưng không biết là đất ông A mua hay được tặng cho, đã chia cho 05 anh chị em chị, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất.

Chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Nguyễn Kim H2 ủy quyền cho chị tham gia tố tụng, trong đó: Chị Thảo và chị Đào là chị ruột chị, thống nhất theo yêu cầu của chị, không chấp nhận chia thừa kế đất của ông A vì không còn là di sản, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất cho chị Thảo, chị Đào sử dụng. Anh Dũng đã chết và có người thừa kế là chị Nguyễn Kim H2 (vợ), cháu Nguyễn Vy San (con), yêu cầu giữ nguyên hiện trạng cho vợ con anh Dũng sử dụng.

Chị và các anh chị em yêu cầu chia thừa kế phần đất có ngôi nhà thờ, do cụ Trung và cụ Lúa không để lại di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của cụ Lê Văn Trung và cụ Đinh Thị Cận trình bày như sau:

+ Ông Lê Thanh T3 yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày: Ông là cháu nội của cụ Trung, cụ Trung sống với cụ Cận có 04 người con, gồm:

Lê Thanh Tòng là cha của ông, đã chết vào năm 1947, mẹ ông đã chết vào ngày 29-12- 2017, tại Pháp, cha ông chỉ có một mình ông là con.

Lê Văn Tất đã chết, vợ cũng đã chết, có một người con là Trần Văn P3.

Lê Trung Nghĩa đã mất liên lạc với gia đình từ trước giải phóng, không rõ tung tích.

Lê Minh Trực, đã chết vào năm 1984, vợ là Nguyễn Thị Đê cũng đã chết, có 02 người con là Lê Thị Hồng H5 và Lê Thị Xuân M.

Cụ Trung kết hôn với cụ Nguyễn Thị Lúa có 07 người con giống như nguyên đơn trình bày.

Nhà đất đang tranh chấp là tài sản của cụ Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa tạo lập, cụ Trung đã chết vào năm 1976, không có di chúc, chưa chia thừa kế. Năm 1993, ông A thay mặt gia đình đi kê khai đăng ký đất, ông chỉ sống ở Việt Nam đến 07 tuổi thì theo mẹ sang Pháp sống đến nay, ít khi về Việt Nam, việc các cô, chú có thỏa thuận chia di sản của cụ Trung hay không ông không biết, ông thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng chỉ khác yêu cầu của nguyên đơn là ngôi nhà giao cho nguyên đơn giữ làm nhà thờ cúng, chỉ chia đất xung quanh ngôi nhà và đất ông A đứng tên, nếu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn thì ông yêu cầu chia theo pháp luật, ông yêu cầu được hưởng suất thừa kế của cha mình là ông Tòng được hưởng của cụ Trung và yêu cầu chia bằng giá trị.

+ Ông Trần Văn P3 yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:

Ông là con của ông Lê Văn Tất, là cháu nội của cụ Lê Văn Trung và cụ Đinh Thị Cận. Ông Tất đã chết vào năm 2008, cha mẹ ông chỉ có một mình ông là con, do lấy họ mẹ nên ông mang họ Trần.

Ông thống nhất với nguyên đơn về người thừa kế của cụ Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa, ông xác định tài sản mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia là

tài sản chung của cụ Trung tạo lập với cụ Lúa, ông chỉ sống với nội khi còn nhỏ sau đó sang Pháp sinh sống và ít khi về Việt Nam, ông không biết giữa cụ Lúa và các con có sự tặng cho phân chia tài sản gì không, ông đồng ý với nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 phần đất, riêng phần đất có nhà thì nguyện vọng của ông là để ngôi nhà làm nơi thờ cúng, chỉ chia đất xung quanh và phần đất ông A đứng tên nhưng nếu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chia hết đất thì ông yêu cầu chia theo pháp luật, ông yêu cầu chia bằng giá trị.

+ Bà Lê Thị Hồng H5 và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Hồng Yến Nhi trình bày:

Bà Hoa là con của ông Lê Minh Trực, là cháu nội của cụ Lê Văn Trung và cụ Đinh Thị Cẩn. Ông Trực đã chết vào năm 1984, có vợ là bà Nguyễn Thị Đễ (đã chết), có 02 người con là bà Hoa và bà Lê Thị Xuân M. Bà Hoa có sống chung với cha và ông nội tại ngôi nhà và đất đang tranh chấp, là tài sản chung của cụ Trung và cụ Lúa.

Thừa đất ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng và đã chia cho các con, ông A cho rằng đã được cụ Lúa tặng cho nhưng không có chứng cứ chứng minh, yêu cầu nhập vào di sản để chia thừa kế.

Bà Hoa thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn về người thừa kế và di sản, ngôi nhà giao cho nguyên đơn giữ làm nhà thờ cúng, chia đất xung quanh ngôi nhà, yêu cầu chia cho bà Hoa và bà Mai bằng giá trị.

+ Bà Lê Thị Xuân M yêu cầu xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày:

Bà là con ông Lê Minh Trực, là em bà Lê Thị Hồng H5, về người thừa kế và về di sản bà trình bày giống như ông Trần Văn P3 trình bày, yêu cầu của bà cũng giống như yêu cầu của ông Phát và bà Hoa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con chung của cụ Lê Văn Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa, gồm:

+ Ông Lê Thế M và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Liên H trình bày:

Ông M là con của cụ Trung, cụ Lúa, thống nhất với bà C về người thừa kế và ngày chết của cha mẹ. Cụ Trung, cụ Lúa có 07 người con, cụ Trung và cụ Cẩn có 04 người con như bà C trình bày. Tài sản cha mẹ để lại là nhà đất đang tranh chấp.

Ông M đến Hà Lan định cư từ năm 1979, thỉnh thoảng có về Việt Nam thăm mẹ và gia đình, có nghe cụ Lúa có nói: “Đứa nào muốn ở gần mẹ thì cứ về cất nhà mà ở”, có nghe cụ Lúa bảo ông A lo cất nhà kế bên nhà thờ cúng ông bà. Theo ông M thì cụ Lúa cho ông A cất nhà ở trong đất chung của gia đình, không rõ là có tặng cho hay không, nếu cha mẹ đã cho thì là tài sản của ông A, không là di sản của cha mẹ, chỉ chia phần có nhà, nếu ông A tự đăng ký không có sự đồng ý của cụ Lúa thì vẫn còn là di sản, yêu cầu chia thừa kế theo quy

định pháp luật, khi chia có xem xét công sức đóng góp của ông A trong việc chăm sóc mẹ già, quản lý, bảo vệ phần đất chung của gia đình. Phần ông M yêu cầu chia bằng giá trị.

+ Ông Lê Hữu P1 và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Minh trình bày:

Ông P1 là con của cụ Trung, cụ Lúa. Về người thừa kế, ông P1 thống nhất theo ý kiến của bà C, bà Hương, ông P1 định cư ở Hà Lan từ năm 1979, ít khi về Việt Nam nhưng biết rõ 02 thửa đất mà bà C, bà Hương khởi kiện chia thừa kế là của cha mẹ để lại, không có việc cụ Lúa tặng cho ông A đất, cụ Lúa chỉ nói miệng là người con nào cũng được về cất nhà ở gần cụ Lúa, ông A tự đi đăng ký thửa 217, ông P1 và các anh chị em không ai biết, sau này bà C nói ông mới biết, ông P1 thống nhất với các nguyên đơn về việc chia thừa kế cả 02 thửa đất và yêu cầu chia bằng giá trị. Ông P1 xác định cha chết đã lâu, việc chăm sóc mẹ và thờ các anh chị em đều lo, trong đó ông P1 là người gửi tiền về lo nhiều nhất, ông A là người sống chung với cụ Lúa nên có công sức nhiều hơn.

+ Bà Lê Thị Cúc trình bày:

Bà là con của cụ Trung và cụ Lúa. Hai cụ có 07 người con, sống cùng nhau trong ngôi nhà và đất hiện nay đang tranh chấp, bà là chị cả lập gia đình và ra riêng trước, em Mười chết, các em khác lần lượt ra riêng chỉ có ông A sống chung với cha mẹ, nuôi mẹ đến khi chết và lo thờ cúng. Khi còn sống bà có nghe mẹ bà nói cho ông A miếng đất kế bên nhà thờ sau đó có thay đổi ý kiến không thì bà không rõ.

Theo bà thì tài sản là của cha mẹ tạo lập, bà đã có gia đình riêng nên không tranh chấp, nếu chia thừa kế thì bà yêu cầu chia cho bà theo pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 24-5-2019, bà Cúc yêu cầu giữ nguyên hiện trạng, không chia thừa kế.

Trước khi mở phiên tòa, bà Cúc có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu chia thừa kế phần đất có nhà thờ, phần cha mẹ đã cho ông A và ông A đã cho các con bà không tranh chấp, không yêu cầu chia.

- Tại phiên tòa:

+ Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày nếu bị đơn tự nguyện chia phần đất ông A đứng tên thì chấp nhận thanh toán công sức đóng góp cho ông A bằng một suất thừa kế. Nếu để Tòa án quyết định thì chia theo pháp luật, chấp nhận giữ nguyên hiện trạng đất cho các con ông A sử dụng nhưng phải tính giá trị đất để chia thừa kế. Bà C, bà Hương yêu cầu được sở hữu chung bằng hiện vật phần đất thửa số 10 (có ngôi nhà) và nếu được thì yêu cầu Tòa án cho ông P1, ông M cùng sở hữu chung.

+ Chị P, chị H1 không chấp nhận chia phần đất ông A đứng tên vì cho là tài sản riêng của ông A. Yêu cầu chia thừa kế phần đất có nhà theo quy định pháp luật, khi chia phần di sản của cụ Lúa phải tính công sức đóng góp cho ông

A vì ông A quản lý tài sản, nuôi dưỡng cụ Lúa, thờ cúng ông bà từ trước đến nay.

+ Chị H1 nại ra là phần đất ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng là tài sản riêng của cụ Lúa, tuy không có giấy tờ chứng minh nhưng theo chị biết là do cụ Lúa mua vào năm 1994 và đã tặng cho ông A.

+ *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H:*

Bị đơn không chứng minh được việc cụ Lúa có tặng cho đất, hồ sơ xin cấp giấy đất của ông A không có giấy tờ gì chứng minh có sự đồng ý của cụ Lúa, tại thời điểm ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đã có Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, đúng ra quyền sử dụng đất của cụ Trung, cụ Lúa phải được xác lập đúng theo Pháp lệnh, việc kê khai đăng ký đất của ông A, các đồng thừa kế khác không đồng ý, đất vẫn còn là di sản của cụ Trung, cụ Lúa. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Thị Ngọc H1:*

Cụ Lúa tự kê khai phần đất của mình cùng thời điểm năm 1993, ông A cũng kê khai phần đất ông A được cho theo nguyện vọng của cụ Lúa, cả cụ Lúa và ông A đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mỗi người một phần đất, có căn cứ xác định trước khi kê khai đăng ký và được cấp giấy, cụ Lúa đã tặng cho ông A phần đất liền kề. Cụ Lúa cũng chỉ tặng cho bằng miệng, thời bấy giờ pháp luật không quy định việc tặng cho đất phải lập thành văn bản, nếu ông A có ý chiếm đoạt đất thì đã kê khai đăng ký cả phần đất của cụ Lúa. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chia phần đất các con ông A đứng tên, chỉ chia phần đất có nhà do ông A, bà Hương, bà C cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, nhưng phải thanh toán công sức đóng góp cho ông A.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C và bà Hương, chia thừa kế của cụ Trung và cụ Lúa theo pháp luật đối với phần đất có nhà thuộc thửa số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A, bà C,

bà Hương đứng tên. Không chấp nhận yêu cầu chia phần đất cụ Lúa đã tặng cho ông A vì việc tặng cho là hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Thanh T3, ông Trần Văn P3, bà Lê Thị Hồng H5, bà Lê Thị Xuân M, bà Lê Thị Cúc có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

Riêng ông Lê Trung Nghĩa không rõ tung tích Hội đồng xét xử căn cứ Án lệ số: 06/2016/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xét xử vắng mặt ông Nghĩa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế: Cụ Trung chết năm 1976, nguyên đơn khởi kiện vào năm 2019, căn cứ theo Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số qui định của Pháp lệnh Thừa kế; khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01-01-2017 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về chia thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10-9-1990 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Cụ Lúa chết vào năm 2001 thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo qui định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc xác định người thừa kế, các đương sự đã thống nhất những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự như sau:

- Người thừa kế của cụ Lê Văn Trung, gồm: Ông Lê Văn Tòng, ông Lê Văn Tất, ông Lê Trung Nghĩa và ông Lê Minh Trực.

+ Ông Tòng chết vào năm 1947, trước cụ Trung nên người con duy nhất của ông Tòng là ông Lê Thanh T3 được thừa kế thế vị theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự.

+ Ông Lê Văn Tất chết năm 2008, vợ là bà Monique TRẦN đã chết vào ngày 31-8-1999, có một người con là Trần Văn P3 nên ông Phát được hưởng thừa kế của ông Tất.

+ Ông Lê Minh Trực chết năm 1984, vợ là bà Nguyễn Thị Đẻ cũng đã chết nên 02 người con là Lê Thị Hồng H5 và Lê Thị Xuân M được hưởng phần thừa kế mà ông Trực được hưởng.

+ Ông Lê Trung Nghĩa không rõ tung tích, các đồng thừa kế thống nhất vẫn chia phần cho ông Nghĩa, giao cho người thừa kế khác ở Việt Nam quản lý.

- Người thừa kế chung của cụ Lê Văn Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa, gồm: Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thê M, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H, bà Lê Thị Cúc và ông Lê Hoàng A.

Ông A đã chết, vợ là bà Hồ Ngọc Liên Hoa cũng đã chết nên các con của ông A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1, anh Lê Hoàng D được hưởng phần thừa kế của ông A. Anh Lê Hoàng D đã chết nên vợ là Nguyễn Kim H2, con là Lê Nguyễn Vy San được hưởng phần của anh Dũng.

Ngoài ra, cụ Trung, cụ Lú không có con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ của cụ Trung, cụ Lúa đã chết trước các cụ từ rất lâu.

[4] Về việc xác định di sản:

- Phần tài sản các đương sự đã thống nhất là di sản:

Diện tích 2.456,8 m² đất, thửa số 10, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CS05307 ngày 06-7-2018, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H đứng tên, do có 20,8 m² nằm bên đất người khác nên diện tích theo hiện trạng sử dụng là 2.436 m², trong đó gồm 300 m² đất ở đô thị và 2.136 m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Đông giáp hẻm 29; Tây giáp “đường bê tông 04 m”; Nam giáp các thửa: 419, 633, 634, 635, 636, 637; Bắc giáp thửa số 3 và thửa 457. Tài sản trên đất gồm nhà ở, mái che, nhà vệ sinh, trụ bồn nước... các đương sự không tranh chấp, nếu thuộc phần đất ai được chia thì người được sở hữu. Nhà đất trước đây là cụ Lúa và các con cụ Lúa sử dụng, sau này là ông A và vợ con ông A ở, quản lý đến năm 2020 các con ông giao cho bà Hương và bà C quản lý đến nay. Giá trị 16.412.388.600 đồng [(300 m² x 12.465.000 đồng) + (2.136 m² x 5.933.000 đồng)].

Theo ranh hiện trạng thì có 151,5 m² sử dụng lấn ra hẻm 29 và 9,3 m² sử dụng lấn sang thửa 419, các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu chia, chỉ chia theo diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.436 m², ai được chia phần đất này thì tự điều chỉnh ranh cho đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần tài sản các đương sự chưa thống nhất là thửa đất số 217, tờ bản đồ 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00900 QSĐĐ/D6 ngày 29-4-1994, do ông Lê Hoàng A đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 1.134 m², đã tách thành 05 thửa và điều chỉnh diện tích theo tờ bản đồ số 11 là 1.492 m², gồm 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất con ông A đứng tên. Tài sản trên đất có một vài cây lâu năm và chậu kiềng của các con ông A, các đương sự không tranh chấp, cây trồng thuộc đất ai được chia thì người đó sở hữu. Khi còn sống ông A sử dụng cho người khác thuê đất làm quán bán cà phê, sau đó không cho thuê nữa và các con ông A sử dụng cho đến nay.

Hiện trạng sử dụng có 6,73 m² lân ra “đường bê tông 5 m”, các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu chia, chỉ chia theo diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.492 m², cụ thể gồm:

+ 316,8 m², thửa 633, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05798 ngày 19-8-2019, chị Lê Thị Ngọc H1 đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 256,8 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 419, 420 421; Tây giáp thửa 634; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.971.856.800 đồng [(60 m² x 10.925.000 đồng) + (256,8 m² x 5.126.000 đồng)], đất chị H1 đang quản lý.

+ 306.1 m², thửa 634, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05799 ngày 19-8-2019, anh Lê Hoàng D đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 246,1 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 633; Tây giáp thửa 635; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.971.008.600 đồng [(60 m² x 10.925.000 đồng) + (256,8 m² x 5.126.000 đồng)], đất do vợ anh Dũng là chị Nguyễn Kim H2 đang quản lý.

+ 295.4 m², thửa 635, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05800 ngày 19-8-2019, chị Lê Thị Ngọc Đ đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 235,4 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 634; Tây giáp thửa 636; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.862.160.400 đồng [(60 m² x 10.925.000 đồng) + (235,4 m² x 5.126.000 đồng)], đất chị Đ đang quản lý.

+ 284.8 m² thửa 636, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05801 ngày 19-8-2019, chị Lê Hoàng Liên Th đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 224,8 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 635; Tây giáp thửa 637; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.807.824.800 đồng [(60 m² x 10.925.000 đồng) + (224,8 m² x 5.126.000 đồng)], đất chị Thảo đang quản lý.

+ 288,9 m² thuộc thửa 637, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05802 ngày 19-8-2019, chị Lê Hoàng Liên P đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 228,9 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 636; Tây giáp “đường bê tông 04m”; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.924.920.000 đồng [(60 m² x 11.481.000 đồng) + (228,9 m² x 5.400.000 đồng)], đất chị P đang quản lý.

Tổng giá trị phần đất ông A đã sang tên cho các con là 9.537.770.600 đồng (gồm: 1.971.856.800 đồng + 1.971.008.600 đồng + 1.862.160.400 đồng + 1.807.824.800 đồng + 1.924.920.000 đồng).

Xét thấy, các đương sự kể cả ông A khi còn sống đã thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Trung và cụ Lúa, tại phiên tòa chị H1 nại ra rằng nguồn gốc là của riêng cụ Lúa mua sau khi cụ Trung chết nhưng chị H1 không có chứng cứ chứng minh, các đồng thừa kế không chấp nhận.

Ông A, bà Cúc và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị P, chị H1 cho rằng ông A đã được cụ Lúa tặng cho vào năm 1994 là có căn cứ, bởi vì:

+ Cùng một thời điểm năm 1994, cụ Lúa kê khai đăng ký phần đất có nhà, ông A kê khai phần đất ông A được cho. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi cụ Lúa mất vào năm 2001, không ai phản đối hay tranh chấp gì.

+ Bà Hương, bà C và Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà Hương, bà C cho rằng không có việc tặng cho mà ông A tự ý kê khai đăng ký là không có căn cứ. Bà C cho rằng vào thời điểm đăng ký đất cụ Lúa bị bệnh già, không minh mẫn nhưng bà C không có chứng cứ chứng minh, thực tế thì vào thời điểm năm 1993, 1994 việc kê khai đăng ký đất cũng không chặt chẽ về thủ tục, giấy tờ; qua xác minh, công chức địa chính phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành cung cấp như sau: *Các thửa đất tranh chấp trước đây thuộc địa phận xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, đến năm 2001 chia tách địa giới hành chính nên thuộc Phường 4, thành phố Tây Ninh, qua kiểm tra sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất thì cụ Lúa và ông A kê khai đăng ký mỗi người một thửa vào cùng một thời điểm, không thể hiện có tranh chấp.*

+ Các đồng thừa kế đều thừa nhận khi còn sống cụ Lúa có nói *các con ai không có chỗ ở thì về cất nhà kế bên đất có nhà thờ mà ở*, từ khi cụ Lúa nói đến nay không ai về cất nhà ở trong khi ông A sử dụng đất, trồng cây lâu năm, cho thuê làm quán bán ca phê, không ai ngăn cản. Từ khi ông A đứng tên giấy đất đến khi cụ Lúa chết là 07 năm sống chung nhà nhưng cụ vẫn không phản đối.

+ Theo file ghi âm được ghi vào ngày 13-10-2018, do chị H1 cung cấp, bà Hương thừa nhận đúng là giọng nói của mình, trong file ghi âm có đoạn bà Hương nói: *"... hồi đó bà nội nói nhà thờ để cho chú M, bà nội cất phần đất bên kia cho ba con cất nhà ở nhưng ba con không cất nhà mà vẫn ở bên đây"*, nội dung này thể hiện việc bà Hương biết cụ Lúa có nguyện vọng cho ông A phần đất kế bên.

+ Người con lớn trong gia đình là bà Lê Thị Cúc cũng xác định là cụ Lúa đã cho ông A phần đất ông A kê khai đăng ký, tức là đất sang tên cho 05 người con của ông A sau này.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà C, bà Hương cho rằng không có việc cụ Lúa tặng cho ông A đất là không có căn cứ nhưng cho rằng vào thời điểm ông A đăng ký đất đã phát sinh quyền thừa kế của các con cụ Trung theo Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 là có căn cứ.

Xét hồ sơ kê khai đăng ký đất của cụ Lúa và ông A, do Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh thành phố Tây Ninh cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, thể hiện:

+ Hồ sơ đăng ký của cụ Lúa chỉ có Đơn xin đăng ký đất cụ Lúa đứng tên, ghi ngày 07-01-1993, diện tích 2.112 m², thửa 168, tờ bản đồ số 01, nguồn gốc

đất là *mua vào năm 1949*, sau này là thửa số 10, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.456,8 m², do bà C, bà Hương, ông A đứng tên.

+ Hồ sơ đăng ký của ông A cũng chỉ có Đơn xin đăng ký đất ông A đứng tên, ghi cùng ngày 07-01-1993, diện tích 1.134 m², thuộc thửa 217, tờ bản đồ số 01, ghi nguồn gốc là *cha mẹ cho*, ngoài ra không còn giấy tờ nào khác, sau này là 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con ông A đứng tên, tổng diện tích là 1.492 m².

Cụ Lúa tặng cho đất cho ông A vào năm 1994, Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền thừa kế, tuy cụ Trung chết năm 1976 nhưng theo pháp lệnh thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế được tính từ ngày Pháp lệnh này có hiệu lực, lẽ ra khi ông A kê khai đăng ký thì phải có cụ Lúa và những người con của cụ Trung ký tên chấp nhận cho đăng ký. Vì vậy, phần đất ông A được cụ Lúa tặng cho chỉ có hiệu lực 50% phần cụ Lúa được định đoạt và phần cụ Lúa thừa kế của cụ Trung, phần còn lại phải chia cho các đồng thừa kế khác.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị P, chị H1 cho rằng ông A kê khai đăng ký đất theo sự chấp thuận của cụ Lúa là có căn cứ nhưng cho rằng vào thời điểm năm 1993, 1994 pháp luật không quy định việc tặng cho đất phải có giấy tờ là không có căn cứ, và không xem xét đến quyền thừa kế của những người con của cụ Trung là không đúng, bởi vì các đồng thừa kế đã thống nhất là tài sản chung của cụ Trung và cụ Lúa. Trong đơn xin đăng ký đất ông A cũng đã ghi là đất *của cha mẹ cho* nhưng thủ tục cho không hợp lệ, phần của cụ Lúa tuy không ký tên cho ông A đăng ký đất nhưng cụ Lúa không phản đối trong nhiều năm xem như đã tặng cho nhưng phần của cụ Trung thì chưa có sự đồng ý của những người thừa kế của cụ Trung theo Pháp lệnh Thừa kế năm 1990.

Xét ông A nuôi dưỡng cụ Lúa từ năm 1992, có công kê khai, đăng ký, gìn giữ đất, nộp thuế đất nên khi chia phải thanh toán cho ông A một phần công sức tương đương 01 suất thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

Tổng giá trị đất là 9.537.770.600 đồng, phần của cụ Lúa được định đoạt $\frac{1}{2}$, tức là $9.537.770.600 \text{ đồng} : 2 = 4.768.885.300 \text{ đồng}$, phần này cụ Lúa đã tặng cho ông A nên là tài sản riêng của ông A.

Khi phát sinh quyền thừa kế của cụ Trung thì cụ Lúa vẫn còn sống nên ông A được hưởng một suất thừa kế của cụ Lúa đối với cụ Trung trong phần đất được tặng cho, cụ thể là 4.768.885.300 đồng của cụ Trung, chia cho cụ Lúa và 10 người con của cụ Trung, trong đó ông A được chia thêm phần công sức đóng góp nên tổng cộng là 12 suất, mỗi suất là 397.407.108 đồng (4.768.885.300 đồng: 12), phần cụ Lúa đã tặng cho ông A xem như hợp lệ, phần của bà Cúc do bà Cúc chấp nhận việc tặng cho ông A đất nên ông A được hưởng, vì vậy ông A được chia tổng cộng là 03 suất.

Do đó, trong tổng giá trị phần đất ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng có 5.166.292.408 đồng được xem là tài sản riêng của ông A được cụ

Lúa tặng cho (4.768.885.300 đồng + 397.407.108 đồng). Còn lại 4.371.478.192 đồng là di sản.

- Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận chia thừa kế phần đất ông A đứng tên là chưa đúng, đề nghị chia thừa kế phần đất có nhà là có căn cứ.

[5] Chia theo giá trị:

Do cụ Trung và cụ Lúa không có di chúc nên thừa kế được chia theo pháp luật theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là: Tổng giá trị di sản của cụ Trung và cụ Lúa là 20.783.866.792 đồng (gồm: 16.412.388.600 đồng giá trị phần đất có nhà và 4.371.478.192 đồng giá trị trong phần đất ông A đứng tên), phân chia như sau:

* Phần đất 1.492m² giá trị 9.537.770.600 đồng:

Các con ông A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1 và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2, cháu Lê Nguyễn Vy San được chia 1.192.221.324 đồng, trong đó gồm: 397.407.108 đồng (phần ông A được thừa kế của cụ Trung) + 397.407.108 đồng (phần ông A được thanh toán công sức đóng góp) + 397.407.108 đồng (phần bà Cúc được hưởng của cụ Trung nhưng bà Cúc chấp nhận việc tặng cho đất cho ông A).

Người thừa kế của ông Lê Thanh Tòng là ông Lê Thanh T3 được chia 397.407.108 đồng.

Người thừa kế của ông Lê Văn Tất là ông Trần Văn P3 được chia 397.407.108 đồng.

Ông Lê Trung Nghĩa được chia 397.407.108 đồng.

Người thừa kế của ông Lê Minh Trực là bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M được chia 397.407.108 đồng.

Ông Lê Hữu P1 được chia 397.407.108 đồng.

Ông Lê Thế M được chia 397.407.108 đồng.

Bà Lê Thị Minh C được chia 397.407.108 đồng.

Bà Lê Thị Liên H được chia 397.407.108 đồng.

* Phần đất 2.436 m², giá trị 16.412.388.600 đồng, trong đó phần của cụ Trung là 8.206.194.300 đồng, phần của cụ Lúa là 8.206.194.300 đồng (16.412.388.600 đồng : 2).

Chia phần 8.206.194.300 đồng của cụ Trung: Cụ Trung chết từ năm 1976, cụ Lúa là người giữ gìn đất đến khi chết, ông A và những người con khác sống chung nhưng không đóng góp gì nên chia đều cho 10 người con của cụ Trung, mỗi người một suất bằng nhau là 8.206.194.300 đồng : 10 = 820.619.430 đồng.

Phần của cụ Lúa 8.206.194.300 đồng, ông A sống chung chăm sóc cụ Lúa, khi cụ Lúa chết ông A gìn giữ tài sản, thờ cúng cha mẹ, ông Lê Thế M và các con ông A yêu cầu thanh toán phần công sức đóng góp của ông A là có căn cứ nên được thanh toán tương đương 01 suất thừa kế, phần còn lại chia đều cho 06 người con của cụ Lúa, cụ thể là: 8.206.194.300 đồng : 7 = 1.172.313.471 đồng, trong đó ông A 02 phần là 2.344.626.942 đồng; ông P1, ông M, bà C, bà Hương, bà Cúc mỗi người 1.172.313.471 đồng.

* Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 16.412.388.600 đồng + 9.537.770.600 đồng = 25.950.159.200 đồng. Trong đó có 5.166.292.408 đồng là tài sản riêng của ông A được cụ Lúa tặng cho, còn lại 20.783.866.792 đồng là di sản, tổng giá trị của từng người thừa kế được chia như sau:

+ Ông Lê Thanh Tòng (ông Lê Thanh T3): 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng = 1.218.026.538 đồng.

+ Ông Lê Văn Tất (ông Trần Văn P3): 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng = 1.218.026.538 đồng.

+ Ông Lê Trung Nghĩa: 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng = 1.218.026.538 đồng.

+ Ông Lê Minh Trực (bà Lê Thị Hồng H5, bà Lê Thị Xuân M) 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng = 1.218.026.538 đồng.

+ Ông Lê Hoàng A (chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1, và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2 và cháu Lê Nguyễn Vy San): 1.192.221.324 đồng + 820.619.430 đồng + 2.344.626.942 đồng = 4.357.467.696 đồng.

Ngoài ra, ông A còn được hưởng phần giá trị tài sản ông A được cụ Lúa tặng cho là 5.166.292.408 đồng không tính vào di sản. Như vậy, tổng giá trị tài sản ông A được tặng cho và được chia thừa kế là 9.523.760.104 đồng.

+ Ông Lê Hữu P1: 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng + 1.172.313.471 đồng = 2.390.340.009 đồng.

+ Ông Lê Thế M: 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng + 1.172.313.471 đồng = 2.390.340.009 đồng.

+ Bà Lê Thị Minh C: 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng + 1.172.313.471 đồng = 2.390.340.009 đồng.

+ Bà Lê Thị Liên H: 397.407.108 đồng + 820.619.430 đồng + 1.172.313.471 đồng = 2.390.340.009 đồng.

+ Bà Lê Thị Cúc: 820.619.430 đồng + 1.172.313.471 đồng = 1.992.932.901 đồng.

[6] Chia theo hiện vật:

- Phần đất 1.492 m²: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà Hương và bà C, bà Hương đại diện cho ông P1, ông M thống nhất giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho các con ông A. Xét thấy, giá trị đất 9.537.770.600 đồng, giá trị tài sản ông A được cụ Lúa tặng cho và được chia thừa kế là 9.523.760.104 đồng, tương đương nhau nên giữ nguyên hiện trạng đất cho 05 người con ông A sử dụng, phần chênh lệch dư 14.010.496 đồng 05 người con của ông A phải thanh toán cho người thừa kế khác, cụ thể là thanh toán cho bà Lê Thị Cúc.

- Phần đất 2.436 m²:

Ông Lê Thanh T3 là người được hưởng phần thừa kế của ông Lê Thanh Tòng yêu cầu chia bằng giá trị.

Ông Trần Văn P3 là người được hưởng phần thừa kế của ông Lê Văn Tất yêu cầu chia bằng giá trị.

Ông Lê Trung Nghĩa không rõ tung tích, các đồng thừa kế thống nhất chia nhưng không có mặt để nhận nên chia bằng giá trị.

Bà Lê Thị Hồng H5, bà Lê Thị Xuân M là người được hưởng phần thừa kế của ông Lê Minh Trục yêu cầu chia bằng giá trị.

Bà Lê Thị Cúc yêu cầu chia bằng giá trị.

Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thế M, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H yêu cầu chia chung phần đất có ngôi nhà nhưng do ông P1, ông M định cư ở nước ngoài, căn cứ theo khoản 1 Điều 186 của Luật Đất đai, Điều 159 của Luật Nhà ở thì ông P1, ông M không thuộc đối tượng được nhận quyền sử dụng đất nên giao đất cho bà C, bà Hương sử dụng chung. Bà C và bà Hương phải thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác, cụ thể như sau:

Thanh toán cho ông Lê Thanh T3 1.218.026.538 đồng.

Thanh toán cho ông Trần Văn P3 1.218.026.538 đồng.

Thanh toán cho ông Lê Trung Nghĩa 1.218.026.538 đồng, do ông Nghĩa hiện nay không rõ tung tích nên giao cho bà C, bà Hương quản lý, bà C, bà Hương có nghĩa vụ giao lại khi ông Nghĩa có yêu cầu, nếu sau này giữa ông Nghĩa và bà C, bà Hương có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo qui định pháp luật.

Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M 1.218.026.538 đồng.

Thanh toán cho ông Lê Hữu P1 2.390.340.009 đồng.

Thanh toán cho ông Lê Thế M 2.390.340.009 đồng.

Thanh toán cho bà Lê Thị Cúc 1.978.922.405 đồng.

Các đương sự thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu chia ngôi nhà, cây trồng và các tài sản khác trên đất, nên năm trên phần đất ai được chia thì người đó sở hữu nên ghi nhận.

Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho các con ông A theo 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hàng rào của các con ông A làm chưa đúng theo ranh thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, thiếu 48,9 m² nên được di dời ra cho đúng, bà Hương, bà C không được ngăn cản.

[7] Về chi phí tố tụng, các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, tương ứng với phần trăm giá trị tài sản mình được chia theo qui định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

Tổng cộng chi phí là 32.000.000 đồng, tổng giá trị di sản là 20.783.866.192 đồng, trong đó:

+ Ông Lê Thanh T3; ông Trần Văn P3; ông Lê Trung Nghĩa mỗi người được chia 1.218.026.538 đồng, tương đương 5,86% giá trị di sản nên phải chịu 5,86% của số tiền 32.000.000 đồng, tức là mỗi người phải chịu 1.875.200 đồng.

+ Tương tự như trên, bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M phải chịu 1.875.200 đồng.

+ Bà Lê Thị Cúc được chia 1.992.932.901 đồng, tương đương 9,59% nên phải chịu 9,59% của số tiền 32.000.000 đồng là 3.068.800 đồng.

+ Các con của ông Lê Hoàng A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1 và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2, cháu Lê Nguyễn Vy San được chia 4.357.467.6969 đồng, tương đương 20,97% giá trị di sản nên phải chịu 20,97% của số tiền 32.000.000 đồng là 6.709.000 đồng.

+ Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thế M, bà Lê Thị Minh C và bà Lê Thị Liên H, mỗi người được chia 2.390.340.009 đồng, tương đương 11,5% giá trị di sản nên phải chịu 11,5% của số tiền 32.000.000 đồng, tức là mỗi người chịu 3.680.301 đồng.

Do bà C, bà Hương đã nộp tạm ứng chi phí nên các đồng thừa kế như đã nêu trên phải nộp trả cho bà C, bà Hương.

[8] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Liên H, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Cúc, là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các con của ông Lê Hoàng A phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được chia theo qui định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Giá trị tài sản được

chia là 4.357.467.696 đồng, án phí là: 112.000.000 đồng + 357.468 đồng (là 0,1% phần vượt quá 4.000.000.000 đồng) = 112.357.468 đồng.

- Ông Lê Thanh T3, ông Trần Văn P3, ông Lê Trung Nghĩa, mỗi người được chia 1.218.026.538 đồng nên án phí là: 36.000.000 đồng + 12.540.796 đồng (là 3% phần vượt quá 800.000.000 đồng) = 48.540.796 đồng.

- Bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M được chia chung là 1.218.026.538 đồng nên phải liên đới chịu án phí là: 36.000.000 đồng + 12.540.796 đồng (là 3% phần vượt quá 800.000.000 đồng) = 48.540.796 đồng.

- Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thế M mỗi người được chia 2.390.340.009 đồng nên án phí mỗi người phải chịu là: 72.000.000 đồng + 7.806.800 đồng (là 2% phần vượt quá 2.000.000.000 đồng) = 79.806.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 651, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 652 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số: 06/2016/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông qua ngày 06-4-2016 và được công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H đối với bị đơn ông Lê Hoàng A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa đối với diện tích đất 2.436 m², thửa số 10, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CS05307 ngày 06-7-2018, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H đứng tên và phần của cụ Lê Văn Trung trong diện tích đất 1.492 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 00900 QSDĐ/D6 ngày 29-4-1994, do ông Lê Hoàng A đứng tên và đã sang tên thành 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con ông Lê Hoàng A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1, anh Lê Hoàng D đứng tên. Đất tọa lạc tại: Số 39, hẻm 29, đường Lạc Long Quân, khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh.

2.Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H về chia thừa kế đối với phần giá trị tài sản của cụ Lúa trong khối tài sản chung với cụ Trung trong phần đất 1.492 m² của ông Lê Hoàng A đứng tên.

Tính theo giá trị thì tổng giá trị tài sản tranh chấp là 25.950.159.200 đồng, trong đó phần không được chấp nhận chia thừa kế do ông Lê Hoàng A đã được

cụ Nguyễn Thị Lúa tặng cho là 5.166.292.408 đồng, phần được chấp nhận chia thừa kế là 20.783.866.792 đồng.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Trung và cụ Nguyễn Thị Lúa theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H được sử dụng chung 2.436 m² đất (diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.456,8 m²), thửa số 10, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CS05307 ngày 06-7-2018, ông Lê Hoàng A, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H đứng tên, trong đó gồm 300 m² đất ở đô thị và 2.136 m² đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: Đông giáp hẻm 29; Tây giáp “đường bê tông 04 m”; Nam giáp các thửa: 419, 633, 634, 635, 636, 637; Bắc giáp thửa số 3 và thửa 457. Giá trị 16.412.388.600 đồng.

Được sở hữu nhà, cây trồng và toàn bộ tài sản khác trên đất. Đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C, bà Hương đang quản lý.

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho các con ông Lê Hoàng A, cụ thể như sau:

+ Chị Lê Thị Ngọc H1 được tiếp tục sử dụng 316,8 m², thửa 633, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05798 ngày 19-8-2019, chị Lê Thị Ngọc H1 đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 256,8 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 419, 420 421; Tây giáp thửa 634; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.971.856.800 đồng, đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H1 đang quản lý.

+ Người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2 và cháu Lê Nguyễn Vy San được tiếp tục sử dụng 306.1 m², thửa 634, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05799 ngày 19-8-2019, anh Lê Hoàng D đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 246,1 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 633; Tây giáp thửa 635; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.971.008.600 đồng, đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Nguyễn Kim H2 đang quản lý.

+ Chị Lê Thị Ngọc Đ được tiếp tục sử dụng 295.4 m², thửa 635, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05800 ngày 19-8-2019, chị Lê Thị Ngọc Đ đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 235,4 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 634; Tây giáp thửa 636; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.862.160.400 đồng, đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Đào đang quản lý.

+ Chị Lê Hoàng Liên Th được tiếp tục sử dụng 284.8 m², thửa 636, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05801 ngày 19-8-2019, chị Lê Hoàng Liên Th đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 224,8 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 635; Tây giáp thửa 637; Nam giáp “đường bê

tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.807.824.800 đồng, đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Thảo đang quản lý.

+ Chị Lê Hoàng Liên P được tiếp tục sử dụng 288,9 m², thửa 637, tờ bản đồ 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05802 ngày 19-8-2019, chị Lê Hoàng Liên P đứng tên, trong đó có 60 m² đất ở và 228,9 m² đất trồng cây lâu năm, tứ cận: Đông giáp thửa 636; Tây giáp “đường bê tông 04m”; Nam giáp “đường bê tông 5m”; Bắc giáp thửa 10. Giá trị 1.924.920.000 đồng, đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị P đang quản lý.

Tổng giá trị là 9.537.770.600 đồng. Chị H1, chị Đào, chị Thảo, chị P và người thừa kế của anh Dũng là chị Hương và cháu Vy San được sở hữu tài sản trên đất mình được chia.

Các phần đất nêu trên tọa lạc tại: Hẻm 29, khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án.

- Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H theo nội dung bản án.

Ghi nhận các đồng thừa kế không tranh chấp, không yêu cầu chia diện tích 151,5 m² sử dụng lấn ra hẻm 29; diện tích 9,3 m² sử dụng lấn sang thửa 419; diện tích 67,3 m² sử dụng lấn ra “đường bê tông 5 m”.

-Về thanh toán giá trị:

+ Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1, và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2 và cháu Lê Nguyễn Vy San phải thanh toán cho bà Lê Thị Cúc 14.010.496 (mười bốn triệu không trăm mười ngàn bốn trăm chín mươi sáu) đồng.

+ Bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H phải thanh toán như sau:

Thanh toán cho ông Lê Thanh T3 1.218.026.538 (một tỷ hai trăm mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng.

Thanh toán cho ông Trần Văn P3 1.218.026.538 (một tỷ hai trăm mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng.

Thanh toán cho ông Lê Trung Nghĩa 1.218.026.538 (một tỷ hai trăm mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng nhưng giao cho bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H quản lý, bà C, bà Hương có nghĩa vụ giao lại khi ông Lê Trung Nghĩa có yêu cầu, nếu sau này giữa ông Nghĩa và bà C, bà Hương có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo qui định pháp luật.

Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M 1.218.026.538 (một tỷ hai trăm mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng.

Thanh toán cho ông Lê Hữu P12.390.340.009 (hai tỷ ba trăm chín chục triệu ba trăm bốn chục nghìn không trăm lẻ chín) đồng.

Thanh toán cho ông Lê Thế M2.390.340.009 (hai tỷ ba trăm chín chục triệu ba trăm bốn chục nghìn không trăm lẻ chín) đồng.

Thanh toán cho bà Lê Thị Cúc 1.978.922.405 (một tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm lẻ năm) đồng.

4.Ghi nhận các đương sự thống nhất không tranh chấp không yêu cầu chia nhà, cây trồng và các tài sản khác trên đất, nếu nằm trên phần đất ai được chia thì người đó sở hữu.

Hàng rào hiện tại của các con ông Lê Hoàng A làm chưa đúng theo ranh thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, thiếu 48,9 m²nên được di dời ra cho đúng, bà Lê Thị Liên H, bà Lê Thị Minh C không được ngăn cản.

5.Về chi phí tố tụng:

+ Ông Lê Thanh T3; ông Trần Văn P3; ông Lê Trung Nghĩa mỗi người phải chịu 1.875.200(một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm) đồng, nộp trả cho bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H.

+ Bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M phải chịu 1.875.200(một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm) đồng, nộp trả cho bà C và bà Hương.

+ Bà Lê Thị Cúc phải chịu 3.068.800(ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm) đồng, nộp trả cho bà C và bà Hương.

+ Các con của ông Lê Hoàng A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1 và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2, cháu Lê Nguyễn Vy San phải chịu 6.709.000 (sáu triệu bảy trăm lẻ chín nghìn) đồng, nộp trả cho bà C và bà Hương.

+ Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thế M, mỗi người phải chịu 3.680.301 (ba triệu sáu trăm tám chục nghìn ba trăm lẻ một) đồng, nộp trả cho bà C và bà Hương.

+ Bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Liên H, mỗi người phải chịu 3.680.301 (ba triệu sáu trăm tám chục nghìn ba trăm lẻ một) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa giao đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7.Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Liên H, bà Lê Thị Minh C, bà Lê Thị Cúc được miễn.

- Các con của ông Lê Hoàng A, gồm: Chị Lê Hoàng Liên P, chị Lê Hoàng Liên Th, chị Lê Thị Ngọc Đ, chị Lê Thị Ngọc H1 và người thừa kế của anh Lê Hoàng D là chị Nguyễn Kim H2, cháu Lê Nguyễn Vy San phải chịu 112.357.000 (một trăm mười hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

- Ông Lê Thanh T3, ông Trần Văn P3, ông Lê Trung Nghĩa, mỗi người phải chịu 48.540.796 (bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng.

- Bà Lê Thị Hồng H5 và bà Lê Thị Xuân M phải chịu 48.540.796 (bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng.

- Ông Lê Hữu P1, ông Lê Thế M mỗi người phải chịu 79.806.800 (bảy mươi chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn tám trăm) đồng.

8. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Riêng các đương sự Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện theo ủy quyền thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Riêng ông Lê Thanh T3, ông Trần Văn P3 được kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ khi ủy thác tư pháp tổng đạt bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND. tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS. tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Đồng

